



Tìm nguyên nhân của sự cạnh tranh không lành mạnh

trong hệ thống ngân hàng Việt Nam hiện nay

TS. Kiều Hữu Thiện *

Đặt vấn đề

Từ khi hệ thống ngân hàng Việt Nam chuyển đổi mô hình hoạt động theo nguyên tắc thị trường, sự cạnh tranh trong lĩnh vực hoạt động ngân hàng diễn ra ngày càng quyết liệt. Đó không chỉ là sự cạnh tranh trong nội bộ các NHTM, mà là sự cạnh tranh giữa các NHTM với các định chế tài chính phi ngân hàng khác, và có thể thấy khu vực cung cấp dịch vụ ngân hàng ngày càng trở nên chật hẹp cùng với sự ra đời và hoạt động của hàng loạt các định chế tài chính không chỉ trong nước mà còn từ nước ngoài gắn liền với lộ trình mở cửa và hội nhập trong lĩnh vực tài chính - ngân hàng của Việt Nam. Điểm đáng chú ý là vấn đề cạnh tranh

* Học viện Ngân hàng

giữa các định chế tài chính trên thị trường Việt Nam hiện vẫn tập trung chủ yếu vào khu vực ngân hàng truyền thống (huy động vốn và cho vay cũng như một số loại hình dịch vụ thanh toán) và sự cạnh tranh nhiều lúc diễn ra thái quá, bất chấp các qui định của pháp luật, đạo đức kinh doanh. Chính điều này đang tạo ra những tác động nhiều chiều đối với các vấn đề kinh tế - xã hội tại Việt Nam. Trong phạm vi bài viết này, chúng tôi chỉ tập trung đề cập một số hậu quả và nguyên nhân của tình trạng cạnh tranh không lành mạnh trong hệ thống ngân hàng Việt Nam với mong muốn góp phần nhận dạng, đánh giá và xử lý hiệu quả những hành vi cạnh tranh không lành mạnh trong trung và dài hạn.

1. Nguyên nhân của tình trạng cạnh tranh không lành mạnh trong hoạt động của hệ thống ngân hàng tại Việt Nam

Qua nghiên cứu thực trạng cạnh tranh của hệ thống ngân hàng Việt Nam thời gian qua có thể nhận thấy một thực tế là tình trạng cạnh tranh không lành mạnh diễn biến phức tạp và xuất phát từ nhiều nguyên nhân - điều kiện tồn tại khác nhau, trong đó tập trung vào một số nhóm nguyên nhân sau đây:

1.1. Nhóm nguyên nhân khách quan

Thứ nhất, bản chất và đặc điểm kinh tế vốn có của hoạt động ngân hàng trong nền kinh tế thị trường

Ngay từ khi ra đời, với vị trí - vai trò đặc biệt và tính chất nhạy



NGÂN HÀNG ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN VIỆT NAM

Chia sẻ cơ hội, Hợp tác thành công

www.bidv.com.vn



cảm vốn có, hoạt động ngân hàng luôn gắn liền với trình độ phát triển xã hội không chỉ về phương diện kinh tế mà còn cả về phương diện văn hoá, đạo đức, dân trí, pháp luật... Những yêu cầu về đạo đức kinh doanh, đạo đức nghề nghiệp, ứng xử - cách thức cạnh tranh trong lĩnh vực ngân hàng luôn gắn liền với mặt bằng kinh tế - xã hội. Khi trình độ phát triển chung của xã hội, nhất là về phương diện kinh doanh, tăng lên thì những biểu hiện của cạnh tranh không lành mạnh trong hoạt động ngân hàng giảm đi và ngược lại. Mặc dù Việt Nam đã có những bước chuyển biến khả quan về kinh tế - xã hội, song trình độ phát triển còn ở mức rất thấp nên những biểu hiện cạnh tranh không lành mạnh trong hoạt động ngân hàng là tất yếu.

Bên cạnh đó, hoạt động của hệ thống ngân hàng Việt Nam còn tiềm ẩn nhiều rủi ro tạo nên những điều kiện để tình trạng cạnh tranh không lành mạnh tồn tại, điều này do sự tác động tổng hợp của nhiều nhân tố:

(i) Vốn tự có thấp so tổng tài sản Có theo quy định về Tỷ lệ an toàn tối thiểu. Vốn trong kinh doanh của mỗi tổ chức bao gồm vốn tự có và vốn vay. Không có bất cứ doanh nghiệp nào kinh doanh thuần túy chỉ bằng vốn tự có. Điều này xuất phát từ tính chất chu kỳ trong kinh doanh và hiệu quả sử dụng vốn. Thông thường thì với các loại hình doanh nghiệp khác vốn tự có luôn phải đáp ứng ở mức từ 60 - 70% so tổng vốn kinh doanh, nhưng với loại hình kinh doanh ngân hàng thì vốn tự có

thường chỉ chiếm khoảng 8% so tổng tài sản được qui đổi theo rủi ro (Qui định về tỷ lệ an toàn tối thiểu). Nhiều ý kiến cho rằng điều này là không bình đẳng và luôn khiến các NHTM kinh doanh mạo hiểm. Chính sự mạo hiểm này tạo điều kiện cho những quyết định cạnh tranh ngược với thông lệ về đạo đức kinh doanh. Thực tiễn hoạt động kinh doanh của các NHTM ở bất cứ quốc gia nào cũng đều cho thấy thực trạng này, các NHTM luôn kinh doanh rất mạo hiểm vì mục tiêu lợi nhuận và nếu như không có hệ thống giám sát tài chính hoạt động hiệu quả thì nền kinh tế luôn bị trả giá rất đắt cho hành động kinh doanh mạo hiểm của các NHTM.

(ii) Kinh doanh của các NHTM có phạm vi rộng và liên quan đến hầu hết các tổ chức và cá nhân trong xã hội. Lợi ích nhóm chi phối nhiều quyết định và phương thức hoạt động ngân hàng. Việc đảm bảo lợi ích nhóm trong một số trường hợp có thể xâm phạm các quy định về pháp lý và chuẩn mực kinh doanh. Thực tế cho thấy rằng, nếu như hệ thống ngân hàng hoạt động an toàn lành mạnh và hiệu quả thì sẽ tác động rất lớn đến tính chất an toàn và ổn định của môi trường kinh tế vĩ mô cũng như mức độ hiệu quả trong các hoạt động kinh tế - xã hội. Ngược lại, nếu như hệ thống ngân hàng hoạt động mạo hiểm, vì mục tiêu lợi nhuận mà bất chấp pháp luật thì cái giá phải trả thường rất lớn. Các nghiên cứu cho thấy rằng các cuộc khủng hoảng kinh tế - tài chính những năm qua có nhiều nguyên nhân, song nguyên nhân

chủ yếu vẫn thuộc về hệ thống ngân hàng và khi khủng hoảng bùng phát thì hậu quả nặng nề nhất vẫn thuộc về hệ thống ngân hàng.

(iii) Đối tượng kinh doanh của hệ thống ngân hàng là tiền - một loại hàng hóa đặc biệt có tính xã hội hóa rất cao và rất nhạy cảm với các sự kiện chính trị, kinh tế, xã hội,... nhất là với chính sách tiền tệ của các nước phát triển, cho nên, mỗi một sự biến động của các sự kiện trên đều tác động mạnh đến tính chất rủi ro của hệ thống ngân hàng. Và để giảm thiểu rủi ro trong kinh doanh thì hệ thống ngân hàng luôn cần đến sự hậu thuẫn của hệ thống pháp luật. Trong điều kiện như vậy thì nếu như hệ thống luật pháp thiếu đồng bộ và kém hoàn thiện sẽ luôn khiến các NHTM phải đối mặt với nguy cơ rủi ro to lớn. Môi trường kinh doanh nhiều rủi ro cũng được xem là "mảnh đất" thuận lợi cho các hành vi cạnh tranh không lành mạnh.

Mặt khác, hoạt động ngân hàng mang tính chất cung ứng dịch vụ nên rất khó có thể phân biệt rõ sự khác biệt giữa các tổ chức cung cấp, cũng như đánh giá về sự hợp lý trong "giá cả" do yếu tố cấu thành chi phí khác nhau ở các tổ chức. Vì vậy, đặc điểm kinh tế này của hoạt động ngân hàng tạo những điều kiện khách quan cho việc tồn tại những hiện tượng cạnh tranh có dấu hiệu không lành mạnh và gây khó khăn cho việc đánh giá, xử lý trong thực tiễn.

Thứ hai, hành lang pháp luật chưa đồng bộ và hoàn thiện, tính pháp lý chưa cao, chưa kiên quyết trong thực thi pháp luật



Việt Nam đã có một số cơ sở pháp lý nhằm hạn chế các hành vi cạnh tranh không lành mạnh nói chung cũng như trong hoạt động ngân hàng nói riêng như Luật Cạnh tranh năm 2004 và Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010. Tuy nhiên, để những cơ sở pháp lý này có hiệu lực trong thực tế thì đòi hỏi cụ thể hóa bằng nhiều văn bản hướng dẫn dưới luật, ví dụ:

- Khoản 3 Điều 3 Luật Cạnh tranh quy định: “Hành vi cạnh tranh không lành mạnh là hành vi cạnh tranh của doanh nghiệp trong quá trình kinh doanh trái với các chuẩn mực thông thường về đạo đức kinh doanh...”. Vậy như thế nào là “các chuẩn mực thông thường về đạo đức kinh doanh” trong hoạt động ngân hàng? Phạm trù “đạo đức kinh doanh” nếu không được giải thích và lượng hoá phù hợp trên phương diện pháp luật sẽ không thể áp dụng trong thực tế.

- Trong hoạt động ngân hàng, các hành vi cạnh tranh không lành mạnh được quy định tại Luật cạnh tranh năm 2004 cần được hiểu và cụ thể hoá bằng các tiêu chí nào? Khi chưa có các tiêu chí sẽ dẫn đến việc nhận biết, đánh giá, xử lý sẽ rất khó khăn.

Đối với hệ thống NHTM Việt Nam, mặc dù Nhà nước đã nhận thức được tầm quan trọng của việc hoàn thiện hành lang pháp lý cho tất cả các hoạt động kinh doanh nói chung, trong đó đặc biệt đối với hoạt động kinh doanh của hệ thống ngân hàng - là mũi nhọn trong tiến trình cải cách của Việt Nam theo hướng thị trường, song thực tế cho thấy, hành lang pháp lý của Việt Nam thực sự

chưa hoàn thiện, có rất nhiều bất cập, nhất là pháp luật trong kinh doanh ngân hàng. Đó là sự thiếu nhất quán giữa các bộ luật khác với Luật các TCTD, thiếu sự hợp tác giữa các cơ quan thực thi pháp luật trong xử lý các vi phạm liên quan đến kinh doanh ngân hàng. Trong bản thân hệ thống ngân hàng thì các văn bản pháp luật cũng chưa đồng bộ và hoàn thiện, một số loại giao dịch trong kinh doanh, nhất là các loại giao dịch tài chính mới, còn thiếu chế tài xử lý hiệu quả. Một số văn bản pháp luật rất hay thay đổi và tính khả thi rất kém do quá trình xây dựng văn bản pháp lý chưa có sự nghiên cứu kỹ lưỡng và do vậy, không phù hợp với thực tiễn và không thể triển khai trong thực tiễn. Hơn nữa, bản thân các NHTM luôn tìm cách “lách luật” nên nhìn chung, tính khả thi của một số quy định pháp luật trong việc chế định các hoạt động kinh doanh ngân hàng chưa cao, tình trạng “nhờn luật” là khá phổ biến tại Việt Nam những năm qua. Điều này luôn khiến môi trường kinh doanh ngân hàng tiềm ẩn rủi ro quá cao.

Thứ ba, hệ thống giám sát tài chính còn yếu, hoạt động thụ động, năng lực cảnh báo kém

Trong điều kiện kinh doanh luôn tiềm ẩn rủi ro cao, nhất là nhiều nhân tố rủi ro đến từ môi trường kinh doanh (trong và ngoài nước) nhiều bất ổn như thời gian qua, thì vấn đề thanh tra giám sát luôn phải được đặt lên hàng đầu, qua đó giúp cơ quan chức trách tiền tệ “tuýt còi” đúng lúc để ngăn ngừa các nguy cơ đối với nền kinh tế. Hơn nữa, việc áp dụng các biện pháp can thiệp thị trường

mang tính chất hành chính thì yêu cầu thanh tra - giám sát càng cần được coi trọng. Tuy vậy, thực tế những năm qua tại Việt Nam cho thấy một thực tế là công tác thanh tra, giám sát còn khá bất cập, có xu hướng chạy theo vấn đề riêng lẻ và nhìn chung vẫn đi sau thực tiễn, kiểm tra các vấn đề bất cập nảy sinh từ thực tiễn hoạt động kinh doanh của hệ thống ngân hàng, hầu như chưa đưa ra được nhiều các cảnh báo để giúp phát hiện và ngăn chặn kịp thời các nguy cơ rủi ro và giúp toàn hệ thống tránh được những hậu quả xấu, nhất là các hậu quả đến từ bên ngoài gắn liền với các cuộc khủng hoảng tài chính khu vực và toàn cầu. Những bất cập này do nhiều nguyên nhân, trong đó có nguyên nhân chủ chốt ở hệ thống thông tin trong hoạt động ngân hàng tại Việt Nam hiện nay rất thiếu minh bạch và kém cập nhật do thực thi chưa tốt Pháp lệnh Kế toán thống kê. Việc khai thác thông tin kinh tế quốc tế cũng còn rất yếu do đòi hỏi chi phí cao và việc phân tích thông tin đòi hỏi phải có trình độ và năng lực phân tích dự báo tốt mới đáp ứng được đòi hỏi đặt ra. Việc thanh tra giám sát yếu, công tác dự báo thị trường chưa tốt đã khiến cho môi trường hoạt động kinh doanh ngân hàng luôn rất bất ổn, các NHTM có xu hướng kinh doanh mang tính ngắn hạn, rất khó triển khai các chiến lược mang tính chất bài bản. Điều này lại càng cho môi trường thêm bất ổn.

Thứ tư, thị trường tài chính chưa phát triển, các nhu cầu về dịch vụ tài chính trong nền kinh tế tập trung chủ yếu vào hệ thống ngân hàng



Về nguyên tắc thì nhu cầu vốn trong kinh doanh của các tổ chức kinh tế luôn được đặt ra và việc đáp ứng các nhu cầu vốn này phải do nhiều định chế tài chính trên thị trường tài chính đảm nhiệm. Tuy nhiên, tại Việt Nam hiện nay thì do thị trường chứng khoán hoạt động chưa thực sự hiệu quả nên hầu hết các nhu cầu về vốn trong nền kinh tế chủ yếu vẫn do hệ thống NHTM cung cấp. Trong điều kiện năng lực tài chính của hầu hết các NHTM còn khá yếu thì để đáp ứng các nhu cầu về vốn cho các hoạt động kinh tế - xã hội ngày càng tăng cao luôn tạo ra các áp lực rất lớn đối với tất cả các NHTM. Bên cạnh các dịch vụ về vốn thì rất nhiều nhu cầu về các loại hình dịch vụ ngân hàng khác, nhất là các dịch vụ mới cũng ngày càng tăng lên, đòi hỏi các NHTM phải tìm cách đáp ứng tốt nhất. Một thực tế là để triển khai các loại hình dịch vụ mới đòi hỏi các NHTM phải có tiềm lực về vốn lớn, đầu tư tốt về hạ tầng kỹ thuật, tuy nhiên, do năng lực tài chính thấp nên việc triển khai các loại hình dịch vụ này đối với hầu hết các NHTMCP nhỏ là rất khó khăn và việc triển khai trong điều kiện như vậy sẽ tạo ra các rủi ro tiềm ẩn rất cao cho cả ngân hàng lẫn khách hàng. Sự giới hạn về phạm vi, sản phẩm trong cạnh tranh sẽ làm cho tính chất cạnh tranh trên thị trường truyền thống càng khốc liệt và tạo môi trường cho những biểu hiện cạnh tranh không lành mạnh.

Thực tế là những năm qua, do nhu cầu vốn tín dụng tăng cao nên để đáp ứng các nhu cầu này trong điều kiện khả năng da

dạng hóa nguồn vốn ở hầu hết các NHTM rất kém, đã dẫn tới các cuộc chạy đua nâng lãi suất huy động, gây nhiều bất ổn đối với môi trường tín dụng, đồng thời cũng làm bất ổn môi trường kinh tế vĩ mô, khiến Chính phủ rất khó khăn trong việc ổn định giá cả, kiểm soát lạm phát.

Cũng do thị trường tài chính chưa phát triển, mọi nhu cầu vốn tập trung vào hệ thống ngân hàng, nên rất khó khăn cho các doanh nghiệp tổ chức kinh tế có sự lựa chọn hiệu quả nguồn cung cấp vốn trong hoạt động. Điều này dẫn đến các hệ quả xấu đối với nền kinh tế và rất khó kiểm soát. Thực tế là trong một số giai đoạn, NHNN đưa ra các biện pháp quyết liệt để kiểm soát lãi suất huy động và cho vay vốn cũng như kiểm soát tỷ giá mua bán trên thị trường ngoại hối, song hầu như các biện pháp đưa ra đều tỏ ra kém khả thi, khó triển khai trong thực tiễn. Các cuộc chạy đua nâng lãi suất huy động và cho vay cũng như tăng chi phí mua bán ngoại tệ vẫn diễn ra một cách rất phổ biến

Thứ năm, mức độ tập trung quá mức các định chế tài chính trên một thị trường tài chính còn kém phát triển và tập trung chủ yếu cung cấp một số loại hình dịch vụ giống nhau

Về nguyên lý thì cạnh tranh luôn là động lực cho sự phát triển và hoàn thiện hoạt động của các tổ chức kinh doanh trong kinh tế thị trường. Đối với lĩnh vực kinh doanh ngân hàng thì điều này lại càng đúng. Tuy nhiên, đặc điểm cạnh tranh trong lĩnh vực kinh doanh ngân hàng tại thị trường Việt Nam những năm qua

là mức độ tập trung khá đậm đặc các định chế tài chính trên một thị trường còn chưa phát triển và cạnh tranh tập trung chủ yếu vào phân khúc thị trường tín dụng. Vì vậy, sự cạnh tranh không hẳn dẫn đến nâng cao chất lượng dịch vụ, giảm chi phí vốn ở các NHTM, thậm chí còn làm cho thị trường thêm hỗn loạn, rủi ro gia tăng. Xảy ra điều này là do những năm qua, các nhà chức trách đã cấp phép cho thành lập quá nhiều NHTMCP và ngân hàng có yếu tố nước ngoài trong lúc không chú ý đúng mức đến năng lực tài chính của các NHTM, dẫn đến một số NHTM có năng lực tài chính quá thấp. Theo các số liệu thống kê cho thấy, đến cuối năm 2010, vẫn có gần 10 NHTMCP không đáp ứng được yêu cầu về mức vốn tối thiểu là 3.000 tỷ đồng theo yêu cầu trong Nghị định 141/2006/NĐ-CP. Đa phần các NHTMCP còn lại có mức vốn chủ sở hữu khoảng 3.000 - dưới 4.000 tỷ đồng. Với thực trạng năng lực tài chính như vậy thì có thể nói rằng các NHTM Việt Nam rất khó khăn trong việc nâng cấp điều kiện kỹ thuật công nghệ, tức là khó có thể triển khai được các loại hình dịch vụ mới. Điều này giải thích tại sao hầu hết các NHTM tập trung vào việc cung cấp các loại hình dịch vụ truyền thống là huy động vốn, cho vay và thanh toán. Hơn nữa, cũng do hầu hết các NHTM nhỏ chưa có uy tín, thương hiệu cao trong dân cư, nên khó khăn trong việc tìm kiếm khách hàng cả trong huy động lẫn cho vay vốn, nên để cạnh tranh với các NHTM khác, đặc biệt là với các NHTM Nhà nước, buộc các NHTM nhỏ



phải tìm cách tăng lãi suất huy động. Đây là lý do giải thích cho các cuộc chạy đua lãi suất ở các NHTM Việt Nam những năm qua. Về nguyên tắc thì sự cạnh tranh trên thị trường tín dụng phải làm cho chi phí về vốn từng bước giảm xuống - tạo thuận lợi cho các doanh nghiệp, tổ chức tiếp cận vốn từ các NHTM với lãi suất ngày càng hạ. Thế nhưng thực tế tại Việt Nam những năm qua lại hoàn toàn ngược lại: sự cạnh tranh quyết liệt trong hệ thống các định chế tài chính lại càng làm gia tăng lãi suất huy động và cho vay - tức là chi phí vốn đang ngày càng tăng lên, môi trường tín dụng càng thêm bất ổn.

Thứ sáu, tác động của hội nhập tài chính - ngân hàng quốc tế

Hội nhập tài chính quốc tế, về nguyên tắc, sẽ giúp hệ thống ngân hàng Việt Nam hoạt động ngày càng hoàn thiện và hiệu quả trên cơ sở tiếp thu các kinh nghiệm kinh doanh cũng như tiếp cận kỹ thuật công nghệ và kỹ năng quản lý kinh doanh ngân hàng hiện đại. Tuy nhiên, mục tiêu trong kinh doanh ngân hàng là lợi nhuận, mục tiêu này luôn được các NHTM quốc tế hướng tới khi thâm nhập các thị trường tài chính quốc tế và vì lợi nhuận, một số ngân hàng sẽ bất chấp tất cả, kể cả xuyên thủng hàng rào pháp luật. Chính vì thế, nếu như các quốc gia với nền tảng pháp lý còn bất cập mà đã vội vã mở cửa hội nhập thì cái giá phải trả thường là lớn. Hơn nữa, sự hội nhập tài chính khu vực và toàn cầu sẽ khiến các quốc gia phải đối mặt với các tác động tiêu cực từ các cuộc khủng hoảng tài chính quốc tế, các cuộc khủng

hoảng tài chính luôn khiến cho môi trường kinh doanh của hệ thống ngân hàng bất ổn và dễ tự phòng vệ và chiến thắng trong cạnh tranh, các NHTM luôn có xu hướng tìm cách “lách luật”, điều này không chỉ diễn ra tại các nước đang phát triển, mà là vấn đề chung toàn cầu nếu như các chế tài pháp luật không đủ mạnh.

1.2. Nhóm nguyên nhân chủ quan về phía các NHTM

Thứ nhất, các NHTM Việt Nam khó khăn trong việc triển khai các loại hình dịch vụ mới

Mặc dù nhận thức được tầm quan trọng của việc cải thiện năng lực cạnh tranh thông qua việc đa dạng hóa các loại hình dịch vụ tài chính, song hiện tại hầu hết các NHTM Việt Nam đang có khó khăn trong việc triển khai các dịch vụ mới do để triển khai các loại hình dịch vụ này luôn đòi hỏi nền tảng kỹ thuật công nghệ hiện đại, trong khi đó để áp dụng công nghệ hiện đại trong kinh doanh ngân hàng luôn đòi hỏi chi phí lớn, năng lực quản lý cao nhưng vốn chủ sở hữu của hầu hết các NHTM Việt Nam thì đều quá nhỏ. Quy định của Nghị định 141/2006/NĐ-CP yêu cầu mức vốn tự có tối thiểu ở mức 3.000 tỷ VND - tức chỉ chưa đến 150 triệu USD, nhưng một số NHTM chưa đáp ứng được. Theo khảo sát trên website các NHTM Việt Nam thì tính đến cuối năm 2010 còn tới 10 NHTM có mức vốn chủ sở hữu dưới 3.000 tỷ VND.

Thực trạng trên đây cho thấy rằng hầu hết các NHTM Việt Nam chỉ có thể triển khai các loại hình dịch vụ ngân hàng truyền thống do năng lực tài chính quá yếu

không cho phép cải thiện hạ tầng kỹ thuật công nghệ. Hơn nữa, hầu hết các ngân hàng này đều mới được thành lập và hoạt động trong vòng trên dưới 10 năm trở lại đây, kinh nghiệm kinh doanh cũng như uy tín thương hiệu chưa cao, nên rất khó khăn trong việc mở rộng thị trường. Để duy trì và tìm cách mở rộng thị trường trong điều kiện có sự cạnh tranh khá quyết liệt, bắt buộc các NHTM trên phải kinh doanh mạo hiểm, áp dụng các biện pháp cạnh tranh bằng giá - một phương pháp cạnh tranh cổ điển và thiếu lành mạnh bên cạnh cách hình thức cạnh tranh khác để có thể đạt mục tiêu trong kinh doanh.

Thứ hai, ý thức tuân thủ pháp luật chưa cao ở một số NHTM

Kinh doanh của các NHTM có mức độ rủi ro cao nên rất cần có sự chấp hành tốt các quy định của pháp luật. Mỗi NHTM đều phải ý thức được điều này và phải tuân thủ pháp luật nghiêm túc. Tuy nhiên, thực trạng tại Việt Nam những năm qua lại hoàn toàn ngược lại, một số NHTM không tuân thủ nghiêm túc luật pháp, kinh doanh quá mạo hiểm làm cho môi trường kinh doanh luôn trong tình trạng bất ổn; các NHTM không những không tuân thủ khung lãi suất, tỷ giá do NHNN ban hành, mà luôn tìm cách lách khung qui định; hầu hết các qui định về tỷ lệ tăng trưởng tín dụng chung cũng như trong một số lĩnh vực về bất động sản, chứng khoán ... không được tuân thủ nghiêm túc. Những bài học đắt giá từ các quốc gia bị đổ vỡ thị trường và hậu quả nặng nề cho hệ thống ngân hàng nhưng đã không giúp các NHTM Việt

Nam tinh ngộ. Sự kinh doanh theo kiểu ngắn hạn, lại thiếu sự thanh tra giám sát hiệu quả của các cơ quan chức trách tiền tệ đã khiến cho việc không tuân thủ pháp luật mang tính phổ biến và hiện tượng “nhờn luật”, “luật treo” đã là tình trạng phổ biến hiện nay tại Việt Nam. Thực trạng này đang đặt các NHTM Việt Nam phải đối mặt với các nguy cơ rủi ro to lớn và nền kinh tế Việt Nam luôn trong tình trạng bất ổn bởi rủi ro trong hệ thống ngân hàng luôn tác động trực tiếp tới sự bất ổn về kinh tế và xã hội.

Thứ ba, chất lượng nguồn nhân lực còn bất cập

Bên cạnh nguyên nhân hạ tầng kỹ thuật không đáp ứng được yêu cầu triển khai các loại hình dịch vụ mới thì một nguyên nhân khác không thể không tính tới đó là chất lượng nguồn nhân lực tại hầu hết các NHTM Việt Nam còn khá bất cập

Bảng 1: Cơ cấu trình độ nhân lực của hệ thống NH Việt Nam tính đến 31/12/2009

Đơn vị tính: %

Trình độ	Toàn hệ thống	NHNN	NHTM NN	NHTM CP	NHLD, NNg	Tổ chức khác
Tiến sỹ	0,28	0,67	0,31	0,26	0,11	0,2
Thạc sỹ	3,48	6,3	4,61	2,97	2,9	1,2
Đại học/Cao đẳng	62,59	64,28	62,46	66,83	78,24	73,6
Trung cấp	20,08	8,68	17,83	20,38	0,84	2,1
Sơ cấp và chưa qua đào tạo	13,57	20,07	14,79	9,56	17,91	22,9

(Nguồn: Đề tài KNH 2009- 07)

Bảng 1 cho thấy: nếu tính chung cho toàn hệ thống NH Việt Nam đến cuối năm 2009 thì vẫn có tới trên 33% lực lượng lao động đào tạo ở mức thấp và chưa qua đào tạo. Đối với lực lượng đào tạo từ đại học/cao đẳng trở lên thì có tới gần 63% mới qua đào tạo bậc đại học/cao đẳng. Số lượng cán bộ được đào tạo trên đại học quá thấp. Trong đó, đặc biệt đối với khối NHTM cổ phần thì chỉ khoảng 3% được đào tạo trên đại học.

Bảng 2: Cơ cấu lao động ở một số ngân hàng các nước năm 2004

	Các nước phát triển			Các nước đang phát triển	
	Anh	Nhật	CHLB Đức	Malaysia	Thái Lan
% ĐH và trên ĐH trong tổng số lao động	78	75	77	62	65

(Nguồn: Đề tài khảo sát nguồn nhân lực ngân hàng ở Việt Nam, Viện Khoa học Xã hội Nhân văn)

Bảng 2 đưa ra các tư liệu so sánh và thấy rằng chất lượng nguồn nhân lực trong hệ thống ngân hàng Việt Nam năm 2009 chỉ tương đương các nước khu vực của năm 2004 và kém khá xa so với chất lượng nguồn nhân lực các NHTM các nước phát triển.

Đi sâu xem xét cơ cấu đào tạo thì thấy rằng, số cán bộ được đào tạo theo đúng chuyên ngành tài chính - ngân hàng chỉ chiếm khoảng trên dưới 43%. Có tới trên dưới 40% được đào tạo chuyên ngành khác (Xem Bảng 3)

Bảng 3: Cơ cấu chuyên ngành đào tạo đến 31/12/2009

Đơn vị tính: %

	Tài chính - ngân hàng	Kinh tế	Đào tạo khác
NHNN	41,0	15,0	44,0
NHTM	43,0	18,0	39,0

(Nguồn: Đề tài KNH 2009 - 07)

Với thực trạng chất lượng nguồn nhân lực như vậy thì sẽ rất khó khăn cho các NHTM mở rộng các loại hình dịch vụ ngân hàng mới, và có thể nói, nếu các NHTM càng mở ra các loại hình dịch vụ mới thì rủi ro tiềm ẩn càng cao. Đồng thời, một thực trạng cũng phải được nhìn nhận là chất lượng đào tạo nguồn nhân lực đa phần các trường đại học tại Việt Nam chưa đáp ứng yêu cầu kinh doanh ngân hàng. Sự yếu kém về kỹ năng tác nghiệp trong kinh doanh ngân hàng là khá phổ biến hiện nay. Trong điều kiện như vậy, sự cạnh tranh thiếu lành mạnh, không được quản trị đúng mức không có gì là khó hiểu cả. Nghĩa là sự cạnh tranh thiếu lành mạnh hiện nay tại hầu hết các NHTM Việt Nam có nguyên nhân từ sự hiểu biết chưa sâu về hoạt động ngân hàng của một bộ phận không nhỏ cán bộ, nhân viên trong các NHTM. Sự nhận thức chưa thấu đáo về lĩnh vực kinh doanh, đặc biệt phần lớn cán bộ lại chưa có nhận thức đúng về vai trò và sự tác động của kinh doanh ngân hàng đối với các hoạt động kinh tế - xã hội chung, có thể sẽ gây những hậu quả tiêu cực đối với nền kinh tế - xã hội trên nhiều phương diện.

Thứ tư, hạ tầng kỹ thuật công nghệ trong hệ thống ngân hàng Việt Nam nhìn chung còn khá lạc hậu, gây khó khăn cho việc triển khai các loại hình dịch vụ mới



Kinh doanh ngân hàng là lĩnh vực kinh doanh bậc cao, nó luôn đòi hỏi hệ thống hạ tầng cơ sở phải ở mức tương xứng thì mới có thể triển khai hoạt động được, đặc biệt là đối với các loại hình dịch vụ mới. Theo tính toán và kinh nghiệm của các ngân hàng nước ngoài, công nghệ thông tin có thể làm giảm 76% chi phí hoạt động ngân hàng. Nhưng đây là một lĩnh vực đòi hỏi sự đầu tư rất lớn (ví dụ như để xây dựng hệ thống thông tin quản lý cho một NHTM NN cần phải chi phí tới 500 - 600 tỷ đồng). Nhận thức được vai trò của hạ tầng kỹ thuật trong hoạt động của hệ thống ngân hàng nên những năm qua, các NHTM Việt Nam rất chú trọng đầu tư đổi mới kỹ thuật nên nhìn chung, hạ tầng kỹ thuật của hệ thống ngân hàng đã được nâng cấp và cải thiện về căn bản. Tuy nhiên, như chúng tôi đã đề cập thì do vốn tự có của các NHTM Việt Nam khá thấp, đặc biệt đối với các NHTM cổ phần nhỏ, nên khả năng đầu tư đổi mới công nghệ luôn bị hạn chế. Chính vì thế, hạ tầng kỹ thuật của các NHTM Việt Nam còn nhiều hạn chế. Theo WB, công nghệ trong lĩnh vực ngân hàng ở Việt Nam vẫn còn ở mức thấp kém. Chỉ số công nghệ ngân hàng ở Việt Nam mới chỉ là -0,47. Trong khi ở Trung Quốc là -0,35; Thái Lan -0,07, Indonesia -0,07, Malaysia 1,08 và của Singapore là 1,95.

2. Hậu quả của tình trạng cạnh tranh không lành mạnh trong hệ thống ngân hàng

2.1. Hậu quả đối với nền kinh tế - xã hội

Như đã đề cập và phân tích thì

tình trạng cạnh tranh không lành mạnh sẽ khiến cho thị trường tài chính bất ổn, và sự bất ổn của thị trường tài chính sẽ tác động xấu đến sự ổn định của môi trường kinh tế vĩ mô, ảnh hưởng đến các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của đất nước. Hiệu lực và hiệu quả của các chính sách (nhất là chính sách tiền tệ) trong ngắn hạn và dài hạn bị ảnh hưởng nghiêm trọng trong bối cảnh nhiều hành vi cạnh tranh không lành mạnh trong hoạt động ngân hàng xuất hiện. Những ảnh hưởng không tốt của cạnh tranh không lành mạnh trong hoạt động ngân hàng làm giảm lòng tin của xã hội đối với nhiều chính sách của Nhà nước. Hơn nữa, những biểu hiện trên thị trường ngân hàng Việt Nam trong những tháng đầu năm 2011 cho thấy dấu hiệu của sự suy giảm chất lượng, trình độ phát triển thị trường.

Thực tế những năm qua tại Việt Nam phản ánh rất rõ thực trạng này:

- Do sự cạnh tranh không lành mạnh giữa các NHTM trong huy động vốn đã đẩy lãi suất huy động vốn không ngừng tăng lên, mặc dù NHNN đã ấn định trần lãi suất huy động không được vượt quá 14%/năm. Các NHTM đã biến tấu theo rất nhiều cách thức khác nhau nhằm tăng lãi suất huy động theo các kỳ hạn, theo hạn mức gửi tiền,... kết quả là lãi suất huy động ở một số NHTMCP xấp xỉ 19%/năm.

- Do tăng lãi suất huy động nên lãi suất cho vay ở không ít NHTM đã xấp xỉ 25%/năm. Đây là mức lãi suất vượt quá sức chịu đựng của hầu hết các doanh nghiệp trong nền kinh tế. Việc

tăng lãi suất huy động và cho vay đã làm cho chi phí vốn trên thị trường tài chính lên quá cao và điều này có nghĩa là các NHTM đang làm mất đi vai trò của mình với tư cách là một trung gian tài chính và thông qua đòn bẩy lãi suất để làm tăng hiệu quả sử dụng vốn trong nền kinh tế.

- Mặc dù NHNN đã đưa ra tỷ giá giao dịch chính thức và biên độ giao dịch mua bán ngoại tệ cho các TCTD, tuy nhiên, hầu như các TCTD không chấp hành các qui định này và thường thông qua các biện pháp: tính phí giao dịch, yêu cầu khách hàng phải mua ngoại tệ trực tiếp trên thị trường sau đó đem gửi vào NHTM mới được thực hiện các giao dịch trong thanh toán quốc tế... kết quả là mọi rủi ro đều do khách hàng tự gánh chịu, đồng thời, cũng tự đánh mất đi vai trò của mình là người "tạo giá sơ cấp" trên thị trường hối đoái. Có thể nói những năm qua các NHTM Việt Nam chưa làm được vai trò là thế lực dẫn dắt thị trường, mà luôn đi sau thị trường và có vẻ như đang tìm cách trục lợi nhờ cơ chế "2 giá" trên thị trường hối đoái. Điều này đã và đang tiếp tục gây những khó khăn và tổn thất lớn cho các doanh nghiệp xuất nhập khẩu và làm mất đi vai trò của tỷ giá với tư cách một công cụ giúp kích hoạt và điều tiết các hoạt động thương mại quốc tế của Việt Nam.

2.2. Hậu quả đối với các khách hàng của NHTM

Nhìn bên ngoài, nhiều hành vi cạnh tranh không lành mạnh có vẻ như tạo cơ hội tốt hơn cho khách hàng ví dụ như trong những trường hợp "giành giật" khách hàng của các NHTM. Tuy nhiên,



những lợi ích đó chỉ là ngắn hạn và không có lợi về dài hạn cho khách hàng. Những hành vi cạnh tranh không lành mạnh nếu tiếp tục sẽ tác động không tốt đối với khách hàng: họ không có được thông tin đáng tin cậy, họ được hưởng những dịch vụ ngân hàng ít có cải thiện về chất lượng, mối quan hệ gắn bó dài hạn với các NHTM ít được quan tâm và khó thiết lập...

Về nguyên lý thì khi thị trường tài chính có mức độ cạnh tranh cao luôn là cơ hội cho khách hàng của họ - với tư cách là những người hưởng lợi nhờ chi phí giảm. Tuy nhiên, thực tế tại Việt Nam những năm qua lại không cho thấy điều này, thậm chí ngược lại, các khách hàng lại đang phải gánh chịu những chi phí giao dịch ngày càng tăng lên. Các phân tích trên đây đã chỉ ra thực trạng này. Sở dĩ các doanh nghiệp, tổ chức kinh tế tại Việt Nam vẫn phải chấp nhận vay vốn với lãi suất cao tại các NHTM bởi vì thực tế họ cũng không có cách nào khác để có thể tiếp cận được nguồn vốn do thị trường tài chính hoạt động kém hiệu quả. Cũng tương tự trên thị trường ngoại hối, mặc dù NHNN đã đưa ra nhiều biện pháp nhằm “quản chế” thị trường này, nhằm bảo vệ sự ổn định của thị trường và phát huy vai trò của công cụ tỷ giá trong điều tiết các hoạt động xuất nhập khẩu và từng bước cân bằng tích cực cán cân vãng lai của Việt Nam. Song NHNN vẫn chưa làm chủ được diễn biến của tỷ giá thị trường. Điều này làm mất tác dụng của công cụ tỷ giá và có vẻ như NHNN càng điều chỉnh tỷ giá thì càng làm lợi cho giới đầu

cơ! Các NHTM về nguyên tắc, phải là những người “tạo giá sơ cấp”, song thực tế họ chưa bao giờ làm được chức năng này mà có vẻ còn chạy theo xu hướng của thị trường để trục lợi, chèn ép các doanh nghiệp xuất nhập khẩu.

Có thể nhìn nhận rằng các NHTM Việt Nam đang thể hiện vai trò quá mờ nhạt trên thị trường tài chính. Và một khi các NHTM chưa thực sự thể hiện được vai trò, chức trách của một trung gian tài chính quan trọng bậc nhất trên thị trường thì luôn đem đến những hệ quả không có lợi đối với các khách hàng nói riêng và nền kinh tế - xã hội nói chung

2.3. Hậu quả đối với các NHTM

Sự cạnh tranh, suy cho cùng, là để các NHTM tự khẳng định uy tín, thương hiệu của trên thị trường. Kết quả của sự cạnh tranh được đo lường bằng các chỉ số về thị phần, kết quả kinh doanh nhưng để đạt được hiệu quả lâu dài thì uy tín, thương hiệu là nhân tố có tính quyết định. Tuy nhiên, nếu là sự cạnh tranh thiếu lành mạnh thậm chí bất chấp pháp luật, thì các kết quả nếu có đạt được thì cũng chỉ là ngắn hạn, suy cho cùng cũng chỉ là kinh doanh theo kiểu “hốt váng” mà thôi. Hậu quả cuối cùng sẽ không chỉ là các khách hàng của NHTM phải gánh chịu, mà gián tiếp tác động đến chính các NHTM. Lý do là: Một khi các doanh nghiệp gặp khó khăn, kinh doanh thua lỗ sẽ tác động đến chất lượng các khoản tín dụng cũng như các khoản mà NHTM đã thực hiện bảo lãnh. Cũng tương tự như vậy, một khi các khách hàng khó

khăn trong tiếp cận vốn ngoại tệ và phải đi mua trực tiếp trên thị trường tự do thì cũng tác động xấu tới hiệu quả hoạt động kinh doanh và điều này lại tác động xấu tới uy tín, thương hiệu của chính các NHTM.

Hiện nay, một số tổ chức xếp hạng tín dụng có uy tín quốc tế đang xếp hạng thụt lùi dần cho các NHTM Việt Nam. Chẳng hạn: Hãng định mức tín nhiệm Moody's Investors Service vừa dự báo, triển vọng tín nhiệm mà họ dành cho hệ thống ngân hàng của Việt Nam sẽ ở mức tiêu cực trong 12-18 tháng tới, vì những lo ngại về lợi nhuận suy giảm và chất lượng tài sản. Lý do là hãng này nhận định rằng chất lượng tài sản của các NHTM Việt Nam đang rất xấu và xấu hơn so với những gì đã được công bố chính thức. Đây là một hồi chuông báo động mà các NHTM Việt Nam cần hết sức quan tâm. ■

Tài liệu tham khảo

1. Kiều Oanh: Moody's tỏ ra bi quan về các ngân hàng Việt Nam. www.vneconomy.vn. Ngày 1/9/2011

2. Tô Ngọc Hưng (2010): Phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao cho hệ thống NHTM Việt Nam. Đề tài KNH 2009- 07

3. Nguyễn Trọng Tài (2008) Cạnh tranh của các NHTM - Nhìn từ góc độ lý luận và vấn đề đặt ra. Tạp chí Nghiên cứu kinh tế. Số 358

4. Website các NHTM Việt Nam